róng máo

绒毛

noun · fluff; down; fine hair

Example Sentences

xiǎo jī shēn shàng yǒu huáng sè de róng máo
小 鸡 身 上 有 黄 色的 绒 毛 。

The chick has yellow down on its body.

zhè jiàn wài tào de róng máo mō qǐ lái hěn róu ruǎn
这 件 外 套的 绒 毛 摸起来 很 柔 软 。

The fluff on this coat feels very soft.

chūn tiān shí liǔ shù shàng piāo zhe bái sè de róng máo
春 天 时， 柳树 上 飘 着 白色的 绒 毛 。

In spring, white fluff floats from the willow trees.

Trace each character, then write the word on your own.